BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2013/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg ngày 8/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia như sau:

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chế độ chi tiêu và quản lý tài chính áp dụng đối với các đề án xúc tiến đầu tư quốc gia được phê duyệt và thực hiện theo quy định tại Quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia ban hành kèm Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg ngày 8/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị chủ trì chương trình là các Bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có đề án xúc tiến đầu tư quốc gia được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình: các cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện chương trình

Kinh phí thực hiện chương trình Xúc tiến đầu tư quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước cho nội dung xúc tiến đầu tư quốc gia được Quốc hội phê chuẩn hàng năm, các khoản thu và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chi tiêu

1. Đơn vị chủ trì phải sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả, theo đúng quy định về tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu hiện hành và mức chi cho nội dung chương trình theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với các nội dung chi chưa có chế độ hướng dẫn, căn cứ theo hợp đồng, hoá đơn chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lý, hợp pháp theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì phải chịu trách nhiệm về các quyết định chi cũng như tính chính xác, trung thực của các khoản chi và chứng từ kèm theo.

3. Đối với các khoản chi theo quy định phải thực hiện đấu thầu thì áp dụng theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật Đấu thầu.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Nội dung chi và mức hỗ trợ

Bao gồm các khoản chi cho các nội dung của chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia được quy định tại Điều 3 Chương I Quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg ngày 8/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

1. Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho nội dung quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1, Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điểm b Khoản 4, Điểm a và b Khoản 5 Điều 3 Quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, bao gồm:

a) Tuyên truyền, quảng bá về môi trường đầu tư của Việt Nam

- Chi phí thực hiện thông tin, tuyên truyền về môi trường đầu tư, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước về đầu tư trên phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước, xuất bản tài liệu hướng dẫn đầu tư, kinh doanh và các ấn phẩm liên quan.

- Chi phí đặt hàng cơ quan truyền thông trong nước và nước ngoài viết bài, làm phóng sự trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử, làm phim quảng bá môi trường đầu tư tại Việt Nam theo hợp đồng trọn gói.

- Chi phí nâng cấp, duy trì hoạt động của trang thông tin điện tử giới thiệu về môi trường đầu tư của Việt Nam, kết nối trang thông tin điện tử này với các trang thông tin điện tử của Bộ, ngành, địa phương trong cả nước và với trang thông tin điện tử uy tín trên thế giới.

b) Xây dựng định hướng, chính sách và chiến lược xúc tiến đầu tư

- Chi phí xây dựng đề án đánh giá thực trạng các lĩnh vực, vùng, ngành kinh tế để làm cơ sở xây dựng và triển khai các đề án xúc tiến đầu tư;

- Chi phí xây dựng Danh mục dự án trọng điểm quốc gia kêu gọi đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, quy hoạch phát triển kinh tế - kỹ thuật; xây dựng tài liệu chi tiết dự án cho các dự án trọng điểm quốc gia, trong đó hỗ trợ các chi phí:

+ Chi phí hội thảo lấy ý kiến: Chi phí thuê hội trường, thuê trang thiết bị, trang trí, nước uống, chi phí văn phòng phẩm;

+ Chi phí thu thập, mua tài liệu;

+ Chi phí khảo sát, điều tra thực tế;

+ Chi phí dịch thuật tài liệu;

+ Chi phí tư vấn, thiết kế, in ấn xây dựng mẫu Danh mục dự án;

- Hỗ trợ kinh phí viết đề án khi thực hiện hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nghiên cứu, viết đề án để xúc tiến đầu tư theo đối tác chiến lược (quốc gia hoặc tập đoàn xuyên quốc gia).

c) Tổ chức chương trình vận động xúc tiến đầu tư tại các địa bàn trọng điểm ở nước ngoài theo chủ đề, lĩnh vực để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và xúc tiến đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài đối với một số lĩnh vực phù hợp, cụ thể hỗ trợ các chi phí:

- Công tác phí cho đối tượng thực hiện tổ chức hoặc tham gia chương trình. Đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư thực hiện xa trung tâm, phải di chuyển nhiều: nếu kinh phí lớn, mức hỗ trợ chi phí theo quy định không đủ trang trải chi phí đi lại thì có thể xem xét hỗ trợ thêm phần chênh lệch giữa mức chi theo thực tế và mức chi theo quy định trên cơ sở lịch trình di chuyển và các chứng từ chi thực tế hợp lý.

- Chi phí tổ chức các hội thảo, diễn đàn kêu gọi đầu tư bao gồm: chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, chi phí in ấn, phô tô tài liệu, phiên dịch, giải khát giữa giờ, tiệc chiêu đãi (nếu có), chi phí văn phòng phẩm.

- Chi phí quảng bá, giới thiệu về việc tổ chức chương trình vận động xúc tiến đầu tư trên các phương tiện thông tin đại chúng của nước ngoài.

- Chi phí thuê đơn vị tổ chức sự kiện; chi phí vận chuyển tài liệu, trang thiết bị; gửi bưu phẩm, tài liệu qua đường bưu điện.

d) Đào tạo cán bộ xúc tiến đầu tư thuộc các Bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thông qua việc tổ chức đoàn khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức xúc tiến đầu tư thành công trên thế giới, cụ thể hỗ trợ các chi phí:

- Công tác phí cho đối tượng tham gia đoàn khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm về xúc tiến đầu tư. Hỗ trợ 1 người/1 đơn vị tham gia đoàn.

- Chi phí thuê hội trường, chi phí thuê trang thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ, chi phí in ấn phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, chi phí cho cán bộ giảng dạy, thuyết trình.

đ) Các hoạt động khác:

- Hỗ trợ chi phí cung cấp thông tin, xúc tiến, quảng bá việc triển khai các dự án có quy mô lớn, có ảnh hưởng quan trọng đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, cụ thể:

+ Chi phí thực hiện, xuất bản và phát hành tờ rơi và tài liệu liên quan tới dự án;

+ Chi phí thông tin liên lạc, gửi tài liệu;

+ Chi phí xúc tiến quảng bá về dự án thông qua các cuộc họp báo, các phương tiện thông tin đại chúng.

- Thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ, gồm tổ chức các cuộc đối thoại chính sách, hoàn thiện khung pháp lý, giải quyết khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp đã đầu tư tại Việt Nam;

2. Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí đối với các nội dung quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 3 Quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia về tổ chức hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư trong nước theo vùng, lĩnh vực, ngành nhằm thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế trọng điểm. Đối với các đơn vị được mời tham gia hội nghị, hội thảo, chỉ hỗ trợ 1 người /1 đơn vị tham gia.

3. Đối với Điểm d Khoản 1, Điểm a Khoản 4 và Điểm c Khoản 5 Điều 3 Quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, mức hỗ trợ kinh phí như sau:

a) Tổ chức hoặc tham gia triển lãm trong nước và ngoài nước nhằm giới thiệu môi trường đầu tư và kết quả đầu tư tại Việt Nam.

- Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức triển lãm bao gồm chi phí thuê mặt bằng triển lãm quốc gia bao gồm cả các chi phí điện, nước, trang trí, chi phí thiết kế và vật liệu cần thiết, chi phí in ấn tài liệu và vận chuyển tới địa điểm tổ chức, chi phí văn phòng phẩm, chi phí quảng bá cho hoạt động tổ chức triển lãm, chi phí thuê công ty tổ chức sự kiện.

- Hỗ trợ 100% công tác phí cho cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện tổ chức hoặc tham gia chương trình

- Hỗ trợ 70% công tác phí cho đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia triển lãm. Hỗ trợ 1 người/1 đơn vị tham gia.

b) Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực và kỹ năng xúc tiến đầu tư cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thu hút đầu tư và doanh nghiệp, kể cả việc mời chuyên gia, giảng viên nước ngoài vào giảng dạy, trong đó:

- Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức khoá đào tạo bao gồm: chi phí thuê hội trường; trang thiết bị; trang trí; chi phí in ấn, phô tô tài liệu; phiên dịch; giải khát giữa giờ; chi phí văn phòng phẩm; chi phí làm giấy chứng nhận khóa học, chi phí thuê xe khảo sát thực địa phục vụ khóa đào tạo (nếu có).

- Hỗ trợ 100% công tác phí cho đối tượng tham gia khoá học là cán bộ công chức cơ quan quản lý nhà nước

- Hỗ trợ 70% công tác phí cho đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia khoá học

c) Đối với hoạt động tổ chức các trung tâm hỗ trợ nhà đầu tư của quốc gia có công nghệ nguồn, quốc gia có tiềm lực về vốn để có cơ chế hỗ trợ đặc thù cho nhà đầu tư của quốc gia này: Hỗ trợ tối đa 70% chi phí hoạt động của Trung tâm trong 1 năm đầu kể từ khi thành lập bao gồm: Chi phí thuê văn phòng, chi phí mua trang thiết bị cần thiết, chi phí mua tài liệu, văn phòng phẩm.

4. Đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Định mức chi cho các nội dung của chương trình

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các đề án xúc tiến đầu tư quốc gia theo nội dung chi được quy định tại Điều 5 Thông tư này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức chi thực tế hợp lý nhưng không vượt quá các định mức chi hiện hành quy định đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công. Cụ thể như sau:

1. Chi hội nghị, hội thảo và công tác phí cho đối tượng đi công tác trong nước theo quyết định của cơ quan phê duyệt chương trình và đơn vị chủ trì để thực hiện các công việc về xúc tiến đầu tư thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chi thanh toán công tác phí cho đối tượng đi nước ngoài thực hiện, tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí.

3. Chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về xúc tiến đầu tư theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 6/01/2010 của Bộ Tài

chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

4. Chi tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng xúc tiến đầu tư cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thu hút đầu tư và doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

5. Chi xây dựng các đề án đánh giá thực trạng các lĩnh vực, vùng, ngành kinh tế để làm cơ sở triển khai các đề án xúc tiến đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 7/5/2007 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Chi nâng cấp, duy trì hoạt động của trang thông tin điện tử giới thiệu về môi trường đầu tư của Việt Nam, kết nối trang thông tin này với các trang thông tin điện tử của Bộ ngành, địa phương trong cả nước và với trang thông tin điện tử có uy tín trên thế giới thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử và Thông tư số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT- BTTTT ngày 15/2/2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước

7. Đối với các nội dung chi chưa có chế độ hướng dẫn, các khoản chi có tính chất đặc thù như hoạt động thông tin, tuyên truyền phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước; xuất bản các ấn phẩm, sách, tài liệu; chi làm phim; chi quảng cáo; chi tổ chức sự kiện... cần thực hiện chào giá cạnh tranh hoặc đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật Đấu thầu.

Điều 7. Đối với hoạt động xúc tiến đầu tư của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao căn cứ vào hướng dẫn về nội dung và mức chi quy định tại thông tư này để thực hiện các đề án xúc tiến đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Mục 3

QUY ĐỊNH VỀ LẬP DỰ TOÁN, PHÂN BỔ KINH PHÍ, TẠM ỨNG QUYẾT TOÁN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 8. Tổng hợp xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu kế hoạch kinh phí hỗ trợ thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, gửi Bộ Tài chính. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính xem xét tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách hàng năm và báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt.

2. Căn cứ dự toán ngân sách được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện phê duyệt chương trình, phân bổ kinh phí thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia chi tiết theo từng đơn vị chủ trì thực hiện chương trình và nội dung quy định tại Điều 5, 6 của Thông tư này trên nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của chương trình không vượt quá dự toán được phê duyệt.

Điều 9. Thủ tục tạm ứng và quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Tạm ứng kinh phí

a) Căn cứ quyết định phê duyệt chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong phạm vi kế hoạch ngân sách nhà nước đã thông báo, đơn vị chủ trì gửi dự toán chi tiết đã được cơ quan chủ quản chương trình hoặc cơ quan chủ quản cấp trên phê duyệt kèm theo hồ sơ đề nghị tạm ứng kinh phí tới Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

b) Hồ sơ đề nghị tạm ứng bao gồm.

- Công văn đề nghị tạm ứng kinh phí;

- Quyết định phê duyệt chương trình của cơ quan có thẩm quyền;

- Dự toán chi tiết của chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tiến độ và thời gian thực hiện các chương trình theo kế hoạch;

- Các tài liệu khác có liên quan đến việc thực hiện chương trình;

c) Mức tạm ứng kinh phí

Mức tạm ứng tối đa là 70% dự toán chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bộ Tài chính rà soát lại.

d) Thời gian rà soát để tạm ứng: Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của đơn vị chủ trì, Bộ Tài chính thực hiện rà soát và cấp kinh phí hỗ trợ để đơn vị chủ trì triển khai đúng tiến độ đã được phê duyệt.

2. Quyết toán kinh phí

2.1 Quyết toán từng chương trình:

a) Tối đa 30 ngày làm việc sau khi kết thúc thực hiện chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm tập hợp đầy đủ chứng từ, lập báo cáo quyết toán chương trình gửi cơ quan chủ quản chương trình hoặc cơ quan chủ quản cấp trên kiểm tra, phê duyệt quyết toán và gửi Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) rà soát để

xem xét hỗ trợ kinh phí còn thiếu hoặc hoàn trả kinh phí đã được tạm ứng vượt số quyết toán được phê duyệt.

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí bao gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí sau quyết toán;

- Quyết định phê duyệt quyết toán chương trình của cơ quan có thẩm quyền kèm theo Hồ sơ chứng từ thực hiện chương trình;

- Báo cáo kết quả thực hiện chương trình;

- Các tài liệu khác có liên quan đến việc thực hiện chương trình.

c) Trong phạm vi 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị hỗ trợ kinh phí của đơn vị chủ trì, Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát và ra quyết định hỗ trợ kinh phí cho đơn vị chủ trì hoặc thu hồi kinh phí nếu số đã tạm ứng lớn hơn số quyết toán.

2.2 Tổng hợp quyết toán năm: Hết ngày 31/12 hàng năm, đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ của toàn bộ các chương trình, lập báo cáo và ký duyệt gửi về Bộ Tài chính, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất là 31/1 năm tiếp theo để Bộ Tài chính rà soát việc tổng hợp quyết toán các chương trình đã thực hiện và thông báo kết quả cho đơn vị chủ trì. Trường hợp quyết toán sau thời điểm 31/1 năm tiếp theo thì được chuyển nguồn và tổng hợp quyết toán vào niên độ năm tiếp theo nhưng chậm nhất không quá 31/3 năm tiếp theo.

Điều 10. Chứng từ, hồ sơ của đơn vị chủ trì

1. Tập hợp chứng từ và lưu giữ chứng từ: Đơn vị chủ trì có trách nhiệm tập hợp đầy đủ chứng từ chi phí theo đúng nội dung, thời gian, địa điểm và các điều kiện khác đã nêu trong Quyết định phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đơn vị chủ trì có trách nhiệm lưu giữ chứng từ gốc liên quan đến những khoản mục của nội dung kinh phí được nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Đối với những nội dung nhà nước hỗ trợ một phần chi phí, đơn vị chủ trì có trách nhiệm huy động đủ nguồn kinh phí để thực hiện.

3. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của chứng từ, hoá đơn thực hiện. Mọi phát hiện vi phạm về chứng từ, hoá đơn đều bị xử phạt theo quy định của pháp luật và từ chối thanh toán.

Điều 11. Chuyển nguồn kinh phí

Kinh phí xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm do ngân sách nhà nước cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được bổ sung để sử dụng trong năm tiếp theo. Bộ Tài chính có văn bản thông báo về kinh phí được chuyển nguồn trên cơ

sở Báo cáo tổng hợp và quyết toán thực hiện chương trình cả năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mục 4

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 5 tháng 5 năm 2013.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời xử lý.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPTW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Vụ NSNN, Vụ Pháp chế, Vụ HCSN;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục TCDN.